

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Mua nhiên liệu.
- Tóm tắt công việc chính của gói thầu: Mua sắm nhiên liệu thực hiện nhiệm vụ tuần tra, điều động tàu đi trú bão, bảo dưỡng tại bến, thay dầu định kỳ năm 2026.
- Tên dự toán: Nhiệm vụ “Công tác tuần tra, kiểm soát lĩnh vực Kiểm ngư” của Chi cục Kiểm ngư Vùng V thuộc Cục Thủy sản và Kiểm ngư năm 2026.
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước - Kinh phí sự nghiệp kinh tế, do Bộ Nông nghiệp và Môi trường bố trí theo kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Đơn giá điều chỉnh.
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 60 ngày.
- Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT: Quý I/2026.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 10 tháng.
- Địa điểm thực hiện: Vùng biển Tây Nam Bộ và Theo yêu cầu của Chi cục Kiểm ngư Vùng V.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

** Phạm vi công việc*

Phạm vi công việc của nhà thầu chào hàng bao gồm (nhưng không hạn chế) các nội dung sau:

- Cung cấp, vận chuyển hàng hóa tới địa điểm cung cấp;

- Bảo quản, nghiệm thu, bàn giao hàng hóa;
- Vận chuyển các hàng hóa theo đúng vị trí và yêu cầu của Bên mời thầu;
- Bàn giao hàng hóa phải thỏa mãn các yêu cầu của E-HSMT. Chịu mọi chi phí nghiệm thu và vận chuyển hàng hóa;

** Các yêu cầu chung về hàng hóa cung cấp*

- Nhà thầu tham gia dự thầu phải chào đúng và đủ chủng loại, khối lượng hàng hoá nêu tại Bảng Phạm vi cung cấp hàng hóa thuộc Mẫu số 01B (webform trên Hệ thống) chương IV của E-HSMT;
- Chất lượng: mới 100%, chưa qua sử dụng theo yêu cầu cụ thể tiêu chuẩn chất lượng các hàng hóa quy định cụ thể ở Phần 2.2 thuộc Mục 2. chương này.

- Tài liệu kỹ thuật trong E-HSMT: Tất cả các hàng hóa được quy định trong phạm vi cung cấp nêu tại Mục 2 Chương V phải có Catalogue, tài liệu kỹ thuật chứng minh hàng hóa dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT; Catalogue, tài liệu kỹ thuật được sử dụng bằng Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt; Trường hợp các tài liệu này bằng tiếng nước ngoài khác thì phải đính kèm bản dịch tiếng Việt và nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác nội dung bản dịch. Bản dịch tiếng Việt có thể dịch toàn bộ tài liệu hoặc tóm tắt nội dung nhưng phải chứng minh được hàng hoá đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Chương V của E-HSMT). Trường hợp trong catalogue, tài liệu kỹ thuật không đầy đủ thông số theo yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu phải có xác nhận của Nhà sản xuất hoặc nhà phân phối hoặc đại lý hoặc có cam kết thông số kỹ thuật của nhà thầu để chứng minh;

** Nghiệm thu bàn giao*

- Công việc chỉ được coi là hoàn thành khi hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

- Mọi thủ tục nghiệm thu bàn giao được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật. Nhà thầu có quyền đưa vào trong đề xuất tài chính toàn bộ các chi phí cần thiết để đảm bảo cho mình nhận được chứng chỉ hoàn thành công việc..

b. Yêu cầu kỹ thuật cụ thể: như tính năng, thông số kỹ thuật, các thông số bảo hành... được nêu cho từng loại hàng hóa. Khi nêu yêu cầu, các thông số kỹ thuật có thể được mô tả dưới hình thức bảng biểu.

Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng Tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết dưới đây để minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương

hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng, sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các yêu cầu tối thiểu. Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

TT	Tiêu chuẩn kỹ thuật			
1	Tiêu chuẩn kỹ thuật của Dầu Diesel (Dầu DO) (Theo QCVN 01:2022/BKHCN và TCVN 5689:2023)			
	<i>TT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Mức chất lượng</i>	<i>Phương pháp thử</i>
	1	Hàm lượng lưu huỳnh mg/kg	≤ 500	TCVN 6701 (ASTM D 2622) TCVN 7760 (ASTM D 5453) TCVN 3172 (ASTM D 4294)
	2	Trị số xetan Chỉ số xetan(*)	≥ 46	TCVN 7630 (ASTM D 613) TCVN 3180 (ASTM D 4737)
	3	Nhiệt độ cất, ⁰ C, 90% thể tích thu hồi	≤ 360	TCVN 2698 (ASTM D 86)
	4	Điểm chớp cháy cốc kín, ⁰ C	≥ 55	TCVN 6608 (ASTM D 3328) TCVN 2693 (ASTM D 93)
	5	Độ nhớt động học ở 40 ⁰ C, mm ² /s,	2,0-4,5	TCVN 3171 (ASTM D 445)
	6	Cặn các bon của 10%, cặn chung cất, % khối lượng	$\leq 0,3$	TCVN 6324 (ASTM D 189) TCVN 7865 (ASTM D 4530)
	7	Điểm đông đặc(**), ⁰ C	Mùa hè +12 Mùa đông +3	TCVN 3753 (ASTM D 97)
8	Hàm lượng tro, % khối lượng	$\leq 0,01$	TCVN 2690 (ASTM D 482)	

9	Hàm lượng nước, mg/kg	≤ 200	TCVN 3182 (ASTM D 6304)
10	Tạp chất dạng hạt, mg/l	≤ 10	TCVN 2706 (ASTM D 6217)
11	Ăn mòn mảnh đồng ở 50°C, trong 3 giờ	\leq loại 1	TCVN 2694 (ASTM D 130)
12	Khối lượng riêng ở 15°C, Kg/m ³	820-860	TCVN 6594 (ASTM D 1298) TCVN 8314 (ASTM D 4052)
13	Độ bôi trơn, μm	≤ 460	TCVN 7758 (ASTM D 6079) TCVN 12016 (ASTM D 7688)
14	Ngoại quan	Sạch, trong, không có nước tự do và tạp chất	TCVN 7759 (ASTM D 4176)

Ghi chú:

- (*) Phương pháp tính chỉ số xêtan không áp dụng cho các loại dầu Diezen có phụ gia cải thiện trị số xêtan.
- (***) Mùa hè tính từ tháng 5 đến tháng 10. Mùa đông tính từ tháng 11 đến tháng 4.
Ở các vùng núi, cao nguyên có khí hậu lạnh, các nhà sản xuất, kinh doanh phân phối nhiên liệu phải đảm bảo cung cấp nhiên liệu điêzen có điểm chảy thích hợp sao cho nhiên liệu không gây ảnh hưởng đến sự vận hành của động cơ tại nhiệt độ môi trường.
- $1 \text{ mm}^2/\text{s} = 1 \text{ cSt}$.

Tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhớt (dầu nhớt) (Theo QCVN 14:2018/BKHCN)

2	Tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhớt (dầu nhớt) (Theo QCVN 14:2018/BKHCN)		
	TT	Chỉ tiêu chất lượng	Mức chất lượng – Động cơ 4 kỳ
			Phương pháp thử

	01	Độ nhớt động học ở 100°C, cSt	Công bố	TCVN 3171:2011 (ASTM D445-11) hoặc ISO 3104:1994
	02	Chỉ số độ nhớt	Min 95	TCVN 6019:2010 (ASTM D2270-04)
	03	Nhiệt độ chớp cháy cốc hở, °C	Min 180	TCVN 2699:1995 hoặc TCVN 7498:2005 (ASTM D92-02b)
	04	Trị số kiềm tổng, mgKOH/g	Min 4,0	TCVN 3167:2008 (ASTM D2896-07a)
	05	Tổng hàm lượng kim loại (Ca, Mg, Zn), % khối lượng	Min 0,1	TCVN 7866:2008 (ASTM D4951-06) hoặc ASTM D5185-13e1 hoặc ASTM D4628-05
	06	Độ tạo bọt/mức ổn định, ml, theo chu kỳ 2	Công bố	ASTM D892-13 hoặc ISO 6247:1998
	07	Hàm lượng nước, % thể tích	Max 0,1	TCVN 2692:2007 (ASTM D95-05e1) hoặc TCVN 3182:2013-Quy trình C (ASTM D6304-07)
	08	Ăn mòn tấm đồng (ở 100°C, trong 3 giờ)	Loại 1	TCVN 2694:2007 (ASTM D130-04e1)
	09	Cặn cơ học (cặn pentan), % khối lượng	Max 0,1	ASTM D4055-04
3	Tiêu chuẩn kỹ thuật của Xăng (Theo QCVN 01:2022/BKHCN và TCVN 8063:2023)			

TT	Tên chỉ tiêu và đơn vị tính	Phương pháp thử	Mức chất lượng - Mức 2
1	Trị số Octan (RON)	TCVN 2703 (ASTM D 2699)	92/95
2	Hàm lượng chì g/L	TCVN 7143 (ASTM D 3237) TCVN 6704 (ASTM D 5059)	≤ 0.005
3	Thành phần cất phân đoạn - Điểm sôi đầu: °C - 10% thể tích: °C - 50% thể tích: °C - 90% thể tích: °C - Điểm sôi cuối: °C - Cặn cuối: % thể tích	TCVN 2698 (ASTM D 86)	Báo cáo ≤ 70 ≤ 120 ≤ 190 ≤ 215 ≤ 2,0
4	Ăn mòn mảnh đồng ở 50 °C/3 h	TCVN 2694 (ASTM D 130)	Loại 1
5	Hàm lượng nhựa thực tế (rửa dung môi) mg/100mL	TCVN 6593 (ASTM D 381)	≤ 5
6	Độ ổn định oxy hóa, min, min	TCVN 6778 (ASTM D 525)	≤ 480
7	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg	TCVN 6701 (ASTM D 2622) TCVN 7760 (ASTM D 5453) TCVN 3172 (ASTM D 4294)	≤ 500
8	Hàm lượng benzen, % thể tích, không lớn hơn	TCVN 6703 (ASTM D 3606) TCVN 3166 (ASTM D 5580)	≤ 2,5
9	Hàm lượng hidrocarbon thơm, % thể tích	TCVN 7330 (ASTM D 1319) TCVN 3166 (ASTM D 5580) TCVN 12015 (ASTM D 6839)	≤ 40

10	Hàm lượng olefin, % thể tích	TCVN 7330 (ASTM D 1319) TCVN 12014 (ASTM D 6296) TCVN 12015 (ASTMD 6839)	≤ 38
11	Hàm lượng oxi, % khối lượng	TCVN 7332 (ASTM D 4815)	≤ 3,7
12	Hàm lượng etanol, % thể tích	TCVN 7332 (ASTM D 4815)	4-5
13	Khối lượng riêng ở 15 °C, kg/m ³	TCVN 6594 (ASTM D 1298) TCVN 8314 (ASTM D 4052)	Báo cáo
14	Tổng hàm lượng kim loại (Fe. Mn) mg/L	TCVN 7331 (ASTM D 3831) TCVN 13128 (ASTM D 5863)	≤ 5
15	Nước tự do	TCVN 7759 (ASTM D 4176)	KPH
16	Ngoại quan	Sạch, trong, không có nước tự do và tạp chất	TCVN 7759 (ASTM D 4176)

Lưu ý:

* Đối với yêu cầu về thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật trên đây để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "ưu việt hơn" so với các yêu cầu tối thiểu.

* Trường hợp các chỉ số của nhiên liệu: Dầu Diesel, Nhớt/dầu nhờn và Xăng được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

c. Các yêu cầu khác

* Thiết bị, Phương tiện vận chuyển và nhân sự thực hiện:

Nhà thầu phải xem xét, lựa chọn phương tiện vận chuyển phù hợp với hệ thống tiếp nhận của Bên mời thầu như đã nêu trên. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ điểm tiếp nhận theo yêu cầu của Bên mời thầu.

Nhà thầu được đề nghị khảo sát và xem xét hệ thống tiếp nhận của Bên mời

thầu và các khu vực xung quanh để có tất cả các thông tin cần thiết cho việc chuẩn bị Hồ sơ dự thầu và phương tiện vận chuyển phù hợp. Nhà thầu phải tự chịu chi phí cho việc khảo sát nêu trên và chịu trách nhiệm về những rủi ro có liên quan.

Thiết bị và nhân công: Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp các thiết bị, các trang thiết bị phụ trợ và lao động cần thiết cho việc thực hiện gói thầu.

*** Kế hoạch tiến độ công việc:**

Nhà thầu sẽ phải lập chương trình làm việc chi tiết dưới dạng biểu đồ. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sửa đổi chương trình này trong quá trình tiến hành hợp đồng. Nhà thầu bất cứ lúc nào cũng phải tiến hành theo chương trình được thông qua mới nhất.

Nhà thầu phải chỉ rõ trong lịch trình rằng các công tác được tiến hành trong giờ hành chính hay ngoài giờ hoặc cần thiết phải làm theo ca để hoàn thành hợp đồng.

*** Các yêu cầu về vệ sinh môi trường**

Nhà thầu phải sử dụng các biện pháp hợp lý để đảm bảo vệ sinh môi trường thi công, đảm bảo qui định vệ sinh môi trường.

Nhà thầu phải dọn dẹp toàn bộ hệ thống kho bãi, tổng vệ sinh các hạng mục, thu dọn phế thải để hoàn nguyên cảnh quan khu vực trước khi tiến hành nghiệm thu.

*** Các yêu cầu về an toàn lao động**

Nhà thầu phải thực hiện bằng cách sao cho không gây ảnh hưởng đến phần việc liên quan. Nhà thầu phải đảm bảo an toàn cho người và phương tiện qua lại. Sử dụng các biện pháp chống bụi, chống ồn và bảo đảm cho mọi hoạt động sản xuất và sinh hoạt bình thường trong khu vực.

Nhà thầu phải có trách nhiệm báo về các tai nạn xảy ra trong hoặc ngoài hiện trường mà nhà thầu liên quan trực tiếp, dẫn đến thương tật cho bất cứ người nào có liên quan hoặc bên thứ ba. Đầu tiên thông báo được thực hiện bằng lời nói, sau đó lập biên bản chi tiết trong vòng 24 giờ sau khi tai nạn xảy ra.

Nhà thầu phải tiến hành các biện pháp phòng ngừa và bảo vệ cần thiết để đảm bảo cho nhân viên hoặc bất cứ người nào khác khỏi bị nguy hiểm do các phương pháp làm việc của Nhà thầu.

Nhà thầu luôn luôn cung cấp đầy đủ và duy trì tại các vị trí thuận tiện các dụng cụ cứu trợ y tế khẩn cấp đầy đủ và phù hợp, để lấy đảm bảo luôn có đội ngũ nhân

viên được đào tạo đúng chuyên ngành để có mặt đúng lúc.

* Tiêu chuẩn chất lượng:

Tất cả các hàng hóa phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, các quy định hiện hành của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Kiểm tra kiểu dáng, nhãn mác, hình thức hàng hóa.
- Kiểm tra thông số so với các yêu cầu của E-HSMT và bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Toàn bộ hàng hóa phải được thử nghiệm nếu có, kiểm tra để chứng tỏ rằng hàng hóa thỏa mãn toàn bộ các yêu cầu của điều kiện kỹ thuật này. Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ các hàng hóa, dụng cụ cần thiết, lao động và các phí tổ chức thử nghiệm cần thiết khác để tiến hành thử nghiệm hàng hóa bằng chi phí của mình, kể cả chi phí thay thế mới các chi tiết bị hư hỏng hay buộc phải hư hỏng sau sử dụng, kể cả chi phí điện thử nghiệm. Các chi phí này cần đưa vào ngay đề xuất tài chính của nhà thầu khi chào hàng. Nếu trong E-HSMT không chỉ rõ chi phí này thì được hiểu là đã bao gồm trong giá các thiết bị có liên quan.

- Toàn bộ các thử nghiệm phải tiến hành với sự có mặt của giám sát và của cơ quan có thẩm quyền về nghiệm thu.

- Chủ đầu tư có quyền tiến hành các kiểm tra bổ sung. Nếu có kết quả không đúng theo E-HSMT thì chi phí kiểm tra bổ sung nhà thầu phải chịu, cũng như mọi chi phí sửa chữa cho tới khi hoàn chỉnh.